

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2017

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Triền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

2. Ông Tạ Hồng Trang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lữ Minh Vũ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như H - Sinh năm 1998 - Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh Long An. Tạm trú: ấp 1, xã Q, huyện D, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như H trình bày và yêu cầu: bà và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau vào tháng 5 năm 2015, sau đó đăng ký lại việc kết hôn vào ngày 12/4/2016 (giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01/2016) tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng ít chia sẻ và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Đ đi ăn chơi về khuya, không quan tâm đến vợ con nên thường xuyên gây gổ với nhau, lâu dần dẫn đến mất hạnh phúc gia đình. Bà và ông Đ đã ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm dứt.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về nuôi con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 21/5/2016, hiện đang sống chung ông Đ. Khi ly hôn, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 04/7/2017 cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay: Ông thống nhất lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, ngày tháng năm đăng ký kết hôn, về con chung, thời gian sống ly thân, không có tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn xảy ra ông không thống nhất là trong lúc nóng giận có lời nói thô tục nên bên vợ bắt vợ ông về chứ vợ chồng ông không có mâu thuẫn. Qua yêu cầu ly hôn của bà H ông Đ không đồng ý ly hôn mà yêu cầu đoàn tụ gia đình, nếu phải ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho hai bên đương sự quay lại chung sống nhưng không thành vì các bên đương sự điều giữ nguyên yêu cầu của mình đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Như H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại ấp 5, xã B, huyện D, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án số 106/TB-TLVA ngày 13/6/2017 theo quy định tại Điều 196 và 199 Bộ luật Tố tụng dân sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 159/TB-TA, ngày 13/6/2017; tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và lập biên bản hòa giải cho bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Đ ngày 04/7/2017 theo quy định tại các Điều 205, 206, 208 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Phiên Tòa sơ thẩm đảm bảo đúng theo các Điều 22, 224, 225, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như H và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 5 năm 2015, có đăng ký kết hôn ngày 12/4/2016 (giấy số 11, quyển số 01/2016) tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện D, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân của bà H và ông Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn theo luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và năm 2014. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên bà H và ông Đ sống ly thân với nhau từ tháng 05/2017 đến nay.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện mà giữ nguyên yêu cầu ly hôn và trực tiếp nuôi con chung, bị đơn yêu cầu đoàn tụ gia đình và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung. Cả hai không yêu cầu cấp dưỡng, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét việc bà H yêu cầu ly hôn với ông Đ là có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 5/2017. Nguyên nhân là do hai vợ chồng ít chia sẻ và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Đ đi ăn chơi về khuya, không quan tâm đến vợ con nên thường xuyên gây gổ với nhau, lâu dần dẫn đến mất hạnh phúc gia đình phải sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay và mối quan hệ vợ chồng chấm

dứt. Việc mâu thuẫn này đã được Tòa án hòa giải vào ngày 04/7/2017 cho hai vợ chồng quay lại chung sống nhưng cả hai vẫn không quay lại chung sống với nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông Đ đã trầm trọng cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đ là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 21/5/2016, hiện đang sống chung ông Đ. Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà H là giao cháu Tuyền cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Vì ông Đ và bà H không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi cháu T và cháu T còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên không xem xét là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Còn yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông Đ là không chấp nhận nên bác yêu cầu.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ cho rằng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án xét thấy: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Như H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như T, sinh ngày 21/5/2016, (hiện đang sống chung ông Đ) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đ được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, ông Đ và bà H có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Như H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp (biên lai thu số 0007921 ngày 13/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- UBND xã B (để biết)
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Triền